

TÌM HIỂU NGỮ ÂM TIẾNG VIỆT VÀ TỪ VIỆT CỔ TRONG *CƯ TRẦN LẠC ĐẠO PHÚ* CỦA PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG

DƯƠNG HOÀNG ĐĂNG*
TRƯỜNG HƯỜNG GIANG**

Tóm tắt: “*Cư trần lạc đạo phú*” của Phật Hoàng Trần Nhân Tông là một trong bốn bài văn Nôm trong “*Thiên tông bản hạnh*” do Hòa thượng Tuệ Đăng soạn, tổng cộng 1622 lượt chữ. Từ việc khảo sát cách ghi chữ Nôm trong văn bản khắc in năm Cảnh Hưng thứ 6 (1745), bản Liên Hoa, bài viết cung cấp cơ sở ngữ liệu quan trọng và thú vị về diện mạo ngữ âm tiếng Việt giai đoạn này. Dấu tích tổ hợp phụ âm đầu, phần vần và từ Việt cổ xuất hiện trong văn bản không chỉ góp phần tìm hiểu lịch sử tiếng Việt mà còn cho thấy xu hướng vận động chung của chữ Nôm hậu kỳ.

Từ khóa: *Cư trần lạc đạo phú*; ngữ âm tiếng Việt; Trần Nhân Tông; từ Việt cổ.

Abstract: “*Cu Tran Lac Dao Phu*” by Buddhist Emperor Trần Nhân Tông is one of four Nom texts in “*Thien Tong Ban Hanh*” composed by Venerable Tue Dang, totaling 1622 word instances. Through examining the Nom writing methods in the text engraved and printed in the 6th year of Canh Hung (1745), Lien Hoa version, this article provides important and interesting linguistic data on Vietnamese phonetics during this period. Traces of initial consonant clusters, rhymes and ancient Vietnamese words appearing in the text not only contribute to understanding Vietnamese linguistic history but also reveal general trends in late - period Nom characters.

Keywords: *Cu Tran Lac Dao Phu*; Vietnamese phonetics; Tran Nhan Tong; ancient Vietnamese words.

Ngày nhận bài: 25/3/2025; Ngày sửa bài: 15/4/2025; Ngày duyệt đăng bài: 20/5/2025.

1. Giới thiệu

Cư trần lạc đạo phú (CTLĐP) 居塵樂道賦 là tác phẩm chữ Nôm tiêu biểu của thời Trần. Hiện nay, CTLĐP có hai bản khắc in được sự nhuận sắc của người đời sau, tuy nhiên văn bản vẫn bảo lưu khá tốt những cách ghi chữ Nôm cổ truyền thống, đồng thời bổ sung khá nhiều mô hình ghi âm mới theo xu hướng phát triển của ngữ âm tiếng Việt. Chính vì thế mà CTLĐP nhận được khá nhiều sự quan tâm của giới nghiên cứu

như *Vài suy nghĩ về Thiên tông bản hạnh* (2008) của Hoàng Thị Ngọc, *Khái luận văn tự học chữ Nôm* (2008) của Nguyễn Quang Hồng, *Khảo về CHĂM và TRÁI trong Cư trần lạc đạo phú của vua Trần Nhân Tông* (2012) của Trần Trọng Dương và Nguyễn Hùng Vỹ,... Qua việc khảo sát ngữ âm tiếng Việt và từ cổ trong văn bản CTLĐP do chùa Liên Hoa san khắc năm Cảnh Hưng thứ 6 (1745), bài viết cung cấp những cứ liệu khả tín giúp cho việc tiếp cận văn bản từ góc độ ngữ âm và từ vựng được thuận lợi hơn.

* Trường THPT Điền Hải, Bạc Liêu.

** Khoa tiếng Anh cơ sở, Trường Đại học Đại Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiến hành khảo sát ngữ âm tiếng Việt và từ Việt cổ trong *CTLĐP*. Vấn đề ngữ âm tiếng Việt được khảo sát trên phương diện phụ âm đầu và vần. Đối với từ Việt cổ, kế thừa các công trình nghiên cứu trước, bài viết sẽ đưa ra những số liệu cụ thể về cách vận dụng, tần số xuất hiện trong tác phẩm, làm cơ sở cho việc nghiên cứu, nhận định diễn biến phát triển của lịch sử tiếng Việt.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Tác phẩm *CTLĐP* của Trần Nhân Tông

Cư trần lạc đạo phú gồm 10 hội viết bằng chữ Nôm và một bài kệ chữ Hán thất ngôn tuyệt cú. Thông qua việc khảo cứu, đánh giá những văn bản *CTLĐP* còn lại đến nay của các học giả trước, nghiên cứu ghi nhận có 2 bản *CTLĐP* hiện còn nằm trong *Thiền tông bản hạnh* 禪宗本行 như sau:

- Bản thứ nhất: được khắc in năm Cảnh Hưng thứ 6 (1745), do chùa Liên Hoa khắc ván. Đồng thời, văn bản được Hoàng Xuân Hãn giới thiệu trong tạp chí *Phật học Vạn Hạnh*, Sài Gòn, 1966; sau đó Hoàng Xuân Hãn tiếp tục giới thiệu trong “Văn Nôm và chữ Nôm thời Trần Lê”, *Tạp san Khoa học xã hội Paris* (Pháp), số 5 (1978), 6 (1979) & 7 (1980)¹.

- Bản thứ hai: được san khắc lại năm Bảo Đại thứ 8 (1932), mang kí hiệu AB. 562 hiện được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán

Nôm và bộ ván khắc in bản AB. 562, hiện nay vẫn còn được lưu giữ tại chùa Vĩnh Nghiêm, tỉnh Bắc Giang².

Trong bài viết này, tác giả chọn văn bản *CTLĐP* trong *Thiền tông bản hạnh* do chùa Liên Hoa khắc in năm Cảnh Hưng thứ 6 (1745) để nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt và từ Việt cổ. Bản này được Hoàng Xuân Hãn đánh giá là bản lưu giữ được nhiều dạng chữ Nôm cũ, ít qua sửa chữa. Hình ảnh dữ liệu văn bản được Hoàng Xuân Hãn cung cấp cho thấy, toàn văn bản *CTLĐP* gồm có 38 tờ, tức 76 trang, mỗi trang có 8 dòng, tổng cộng 1622 lượt chữ, chữ chân phương và được khắc in rõ ràng. Ngoài ra, tác giả bài viết cũng dựa vào bản phiên âm của Nguyễn Hữu Vinh và Trần Đình Hoàn³ để thực hiện việc nghiên cứu.

3.2. Ngữ âm tiếng Việt thể hiện qua cách ghi chữ Nôm trong *CTLĐP*

3.2.1. Phụ âm đầu

3.2.1.1 Tổ hợp phụ âm đầu

Dấu tích về cách ghi tiếng Việt cổ còn lưu lại trong *CTLĐP* bản Liên Hoa năm 1745 có thể thấy rõ cách ghi tổ hợp phụ âm đầu với các thành tố như 巴 (ba), 巨 (cự), 車 (cư), 麻 (ma) được thể hiện trong cách ghi chữ Nôm như sau:

- Cách ghi [m]: trong *CTLĐP*, tổ hợp phụ âm [m] được ghi với tự dạng 唎 trong đó, 丷 là viết tắt cho thành tố ma 麻 ghi âm [m-] với cấu trúc:

[m] > l 唎 {ma 麻 + l 唎 例} > mlệ > lòi

¹ Hoàng Thị Ngọc (2008), “Vài suy nghĩ về văn bản Thiền tông bản hạnh”, Thông báo Hán Nôm, tr. 740.

² Hoàng Thị Ngọc (2008), “Vài suy nghĩ về văn bản Thiền tông bản hạnh”, Thông báo Hán Nôm, tr. 740.

³ Nguyễn Hữu Vinh & Trần Đình Hoàn (2013), *Độc Nôm*, chú thích, viết lại bằng tiếng Việt hiện đại và dịch sang tiếng Anh *Cư trần lạc đạo phú*, https://dotchuoinon.com/wp-content/uploads/2010/11/cc6b0-tre1baa7n-le1baa1c-c491e1baa1o-phc3ba-ebook_jan20_2015.pdf

Ta thấy, tổ hợp [m] được xác định là tiền thân của l- và nh- hiện nay, mình chứng cho điều này là chúng tồn tại ở *Từ điển Việt - Bồ - La* (1651) của Alexandre de Rhodes với các từ như *mlâm, mlặt, mlẽ, mlón*... Ngoài ra, cũng trong *Từ điển Việt - Bồ - La*, chúng tôi còn thấy các chữ như *mlâm, mlặt, mlẽ* xuất hiện lần lượt ở các trang 468, 469, 471 với hình thức là *mnhâm, mnhat, mnhe* để ghi *lâm/nhâm, lạt/nhat, lẽ/nhe*.

- Cách ghi [b]: tổ hợp phụ âm [b] trong *CTLDP*, được ghi dưới dạng như sau:

[b] > tr 𠵹 {ba 巴 + lại 賴} > blái > trái

Thành tố 巴 (ba) được dùng để thể hiện âm [b-] và phần còn lại của âm tiết có âm đầu là [l-], hoặc chữ Nôm với thành tố biểu âm có âm đầu [l-] mà không có 巴 (ba) kèm theo. Tuy nhiên, tổ hợp phụ âm đầu [b] có xu hướng bảo lưu âm [b-] để chuyển đổi thành âm đầu [tr-]. Ngoài ra, tổ hợp phụ âm đầu [b] còn chuyển đổi thành âm đầu [l-], [b-]. Dù vậy, tổ hợp [b] chuyển thành tr- có xu hướng vượt trội hơn.

- Cách ghi [k]: dấu vết tổ hợp phụ âm đầu [k] trong *CTLDP* được dùng để ghi ngữ tố trước như sau:

[k] > tr 𠵹 {cư 車 + lược 畧} > klước > trước

Trường hợp 𠵹 thì thành tố 車 (cư) thể hiện âm [k-] trong tổ hợp [k]. Tổ hợp phụ âm đầu này xuất hiện phổ biến trong các văn bản từ thế kỷ XVII trở về trước như *Quốc âm thi tập, Phật thuyết*... Nhưng từ thế kỷ XVIII trở đi tổ hợp phụ âm [k] đã dần dần ít xuất hiện. Ngoài ra, tổ hợp phụ âm [k] cũng không xuất hiện trong *Từ*

điển Việt - Bồ - La (1651) điều này “chứng tỏ nó xuất hiện trước đó và trở thành [b], [t] trong từ điển này”⁴.

- Cách ghi [kr]: văn bản *CTLDP* 1745, dấu vết của tổ hợp phụ âm đầu [kr] gồm có 2 trường hợp ghi *sang* và *sau*:

[kr] > s 𠵹 {cự 巨 + lang 郎} > krang > sang

𠵹 {cư 車 + lâu 婁} > krau > sau

Cũng tương tự như tổ hợp phụ âm đầu [k], tổ hợp phụ âm đầu [kr] cũng không tồn tại ở *Từ điển Việt - Bồ - La* (1651), bởi vì [kr] lẫn [k] đã chuyển đổi thành s- và [t], [b]. Việc xuất hiện tổ hợp [kr] cho thấy văn bản vẫn còn lưu lại dấu tích ngữ âm trước thế kỷ XVII.

3.2.1.2 Phụ âm đơn

Đối với phụ âm đơn, một số trường hợp tiêu biểu có thể kể đến như sau:

- Xu hướng hữu thanh hoá:

+ Dùng v /v/ ghi m /m/: 務 vụ ghi mùa.

Nguyên nhân xảy ra trường hợp này là do ở thời thượng cổ, phụ âm m xuất phát từ hai thanh mẫu *Minh* 明 và *Vi* 微. Sau đó, đến thời Hán trung cổ hai thanh này tách đôi tạo thành m và v. Dấu tích này còn lưu lại phổ biến ở những văn bản Nôm đầu tiên.

+ Dùng t /t/ ghi d /z/: có 1 chữ duy nhất là 悉 *tất* ghi *dứt*. Biến đổi t > d xảy ra dựa trên việc [t] và [d] đều là những âm đầu lưỡi, tuy nhiên [t] lại âm tắc vô thanh còn [d] là âm sát hữu thanh. Cho nên, mô hình t > d phản ánh xu hướng kêu hoá trong những văn bản có niên đại xuất hiện sớm.

⁴ Hoàng Thị Ngọc (2022), *Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* (tái bản có chỉnh sửa), Nxb. Văn học, TP. Hồ Chí Minh, tr.97.

- Xu hướng sát hoá:

+ Dùng *b* /b/ ghi *v* /v/: có 3 trường hợp là 本 *bốn* ghi *vốn*, 壁 *bích* ghi *vách*, 𠂔 *bang* ghi *vâng*. Do ảnh hưởng của quá trình sát hoá, âm môi [ʔb] chuyển sang âm sát môi răng [b], sau thế kỷ XVII, đã hoàn toàn biến thành âm sát [v]. Như vậy, quá trình sát hoá từ *b* > *v* đã phản ánh việc ghi đúng âm cổ /b/ của *v* trong những văn bản Nôm thời kỳ đầu.

+ Dùng *ch* /c/ ghi *gi* /z/: 紙 *chỉ* ghi *giấy*. Theo Nguyễn Ngọc San, âm *ch* thường có xu hướng hữu thanh hoá và sát hoá thành *gi*, biến đổi này được đoán định xảy ra vào khoảng hoặc sau thế kỷ XV⁵. Tuy nhiên, trong văn bản nghiên cứu, âm đầu *gi* Nôm còn được ghi bằng âm đầu *tr* Hán Việt với 5 trường hợp như sau: 纏 *triền* ghi *gìn*, 塵 *triền* ghi *gìn*, 寧 *trữ* ghi *giữ*, 招 *triệu* ghi *gieo*, 捷 *truy* ghi *giôi*. Từ đó ta thấy, *ch* > *gi* ít được sử dụng hơn *tr* > *gi* vì *tr* > *gi* mới xuất hiện và phổ biến từ sau thế kỷ XVII. Do vậy mà dấu tích của *ch* > *gi* xuất hiện rất ít trong CTLĐP bản Liên Hoa năm 1745.

- Xu hướng ngạc hoá:

Dùng *t* /t/ ghi *ch* /c/: có 2 trường hợp là 祖 *tổ* ghi *chỗ*, 埶 *tôn* ghi *chôn*. Xu hướng ngạc hoá *t* > *ch* xuất phát từ một số bộ phận “âm nổ đầu lưỡi vô thanh [t] trong tiếng Mường nói chung chuyển sang tiếng Việt theo xu hướng hữu thanh hoá *t* > *?d* xảy ra khoảng trước thế kỷ XII. Những bộ phận còn lại thì khi [ch] ở các ngôn ngữ nhóm Mường chuyển thành [ch] Việt thì cũng do áp lực mà chuyển theo, tạo thành xu hướng *t* > *ch* trong tiếng Việt”⁶. Dấu vết của quá trình

này có thể tìm thấy giữa tiếng Việt và các tiếng nhóm Mường: *tại* (Đan Lai, Lý Hà) - *chuoít* (Việt), *tuông* (Mường) - *chuông* (Việt), *tăn* (Koi) - *chém* (Việt),... Như vậy, việc xuất hiện cặp biến đổi trên trong CTLĐP đã chứng tỏ văn bản còn lưu lại dấu vết cổ của ngữ âm tiếng Việt.

3.3.2 Phân vân

3.3.2.1 Vân Việt cổ

Dấu vết vân Việt cổ trong CTLĐP bản Liên Hoa năm 1745 được thể hiện qua những trường hợp tiêu biểu dưới đây:

- Dùng *-i* ghi *-ay*: có 6 chữ, 9 lượt. VD: 矣 *hĩ* ghi *hãy*, 尼 *ni* ghi *này*, 尼 *ni* ghi *nay*, 訖 *nghi* ghi *ngay*, 吟 *ni* ghi *nay*, 眉 *mi* ghi *mày*.

- Dùng *-i* ghi *-ây*: có 3 chữ, 6 lượt. VD: 紙 *chỉ* ghi *giấy*, 丕 *phi* ghi *vây*, 疑 *nghi* ghi *ngây*.

- Dùng *-i* ghi *-oi*: có 2 chữ, 4 lượt. VD: 宜 *nghi* ghi *ngoi*, 尼 *ni* ghi *noi*.

Trong các cặp vân trên cũng tương ứng với diễn biến tiền Hán Việt > Hán Việt như: *ay* > *i* có 1 chữ, 1 lượt (VD: 眉 *mây* > *mì*), *oi* > *i* có 1 chữ, 3 lượt (VD: 移 *dời* > *dì*).

3.3.2.2 Vân tiền Hán Việt

- Dùng *-uô* (*ua*) ghi *-u*: có 2 trường hợp là 務 *mùa* ghi *vụ*, 主 *chúa* ghi *chủ*. Thời thượng cổ /uô/ vốn có hai nguồn gốc là *ô* và *a*. Sau thời Đông Hán *ô* và *a* đồng qui thành /wô/ trên đường tiến tới *u*. Cũng chính vì vay mượn ở hai giai đoạn khác nhau này, mà tiếng Việt có cặp tiền Hán Việt *uô*- Hán Việt *u*. Tương tự như vậy với

⁵ Nguyễn Ngọc San (2003), *Lý thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.205.

⁶ Nguyễn Ngọc San (2003), *Lý thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, tr.209-210.

trường hợp -*ư* ghi *ơ* như 踰 *thư* ghi *sơ*, 所 *thủ* ghi *sở*.

- Dùng -*i* ghi -*ơ* có 1 chữ 期 *kì* ghi *cờ*. Trường hợp -*i* > -*ơ* có lai nguyên lịch sử /i/ > /ɤ/. Điều này cũng tương ứng với cách đọc tiền Hán Việt > Hán Việt: 棋 *cờ* > *kì*, 絲 *tơ* > *ti*, 疑 *ngờ* > *nghi*.

- Dùng -*âm* ghi -*im*: vẫn -*âm* Hán Việt thuộc vận bộ 侵 *Xâm* từ thời thiết vận cho đến cuối đời Đường với âm trị [im], lối đọc [im] đã sản sinh ra lối vay mượn dân gian. Sau này [im] nhất loạt chuyển thành [âm] ở Hán Việt. Dấu vết này sẽ tương ứng trong cách ghi tiền Hán Việt qua trường hợp 尋 *tìm* > *tâm*.

3.3 Từ Việt cổ trong CTLDP

3.3.1 Khái niệm

Khái niệm *từ Việt cổ* được nhiều học giả

quan tâm nghiên cứu. Đào Duy Anh gọi là “từ xưa” “hiện nay không dùng nữa”⁷. Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Thiện Giáp, Vương Lộc đồng quan điểm gọi là *từ ngữ cổ*. Nguyễn Ngọc San gọi là *từ cổ*... Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu vẫn có những trường hợp chưa được học giới thống nhất như phân biệt giữa khái niệm *từ cổ* và *từ Việt cổ*; *từ thuần Việt*, *từ Việt* và *từ gốc Việt*. Bài viết tiếp thu kết quả của các nhà nghiên cứu đi trước thống nhất gọi *từ Việt cổ* là những từ thuần Việt mà ngày nay không dùng nữa hoặc còn dùng nhưng được hiểu theo nghĩa ngày nay.

3.3.2 Khảo sát từ Việt cổ trong CTLDP

Kết quả thống kê từ Việt cổ trong CTLDP bản Liên Hoa năm 1745 gồm 49 từ với 100 lượt xuất hiện, cụ thể như sau:

Bảng 1. Số lượng từ Việt cổ trong CTLDP bản Liên Hoa năm 1745

TT	Từ Việt cổ	Chữ Nôm	Nghĩa	Văn cảnh/VD	Lượt
1	áng	盎	Đám	Áng tư tài	1
2	ang	盎	Cha	Dùng đời nếp cũ ông ang	1
3	bạc	白	Cơm trắng	Dầu bạc dầu xoa	1
4	cả	𡗗	Lớn	Ốn Nghiêu khoáng cả	2
5	cóc	谷	Hay, biết	Nếu mà cóc	8
6	con giường	昆床	Thế hệ sau	Thầy Hồ xua chó, trở xem trí nhẹ con giường	1
7	cứng cát	勁葛	Cứng cáp	Cứng cát phải nạp tăng khôn khéo	1
8	chỉn	𡗗	Chỉ có	Nhược chỉn vui bề đạo đức	12
9	chưng	徵	Hư từ	Chưng ấy	1
10	chác	角	Mua	Nào có sá cầu danh bán chác	1
11	chằm	針	Quàng (áo)	Hoặc chằm hoặc trải	1

⁷ Nguyễn Tài Căn (2004), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc âm Hán Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.24-35.

TT	Từ Việt cổ	Chữ Nôm	Nghĩa	Văn cảnh/VD	Lượt
12	chiền	塵/纏	Chùa	Chiền vắng am thanh	2
13	chằng chằng	澄澄	Khư khư	Lay ý thức, chớ chấp chằng chằng	1
14	dấu	酉	Yêu thích	Kinh nhân đọc dấu	1
15	dầu	油	Tính từ: thoả thê	Trước nạp tăng no dầu tự tại	1
16	đòi	隊	Theo, nhiều	Cơm cùng cháo đói no đòi bữa	6
17	đà	龟	Phó từ: đã	Đà đụt lẫn trường Kinh của Tổ	1
18	ghê	技	Riêng, tách bạch ra	Ai ghê có sơn lâm thành thị	1
19	han	嘆	Hỏi han	Han hữu lậu	2
20	hiêm	嫌	Chê, từ chối	Nghiệp miệng chẳng hiêm thừa đắng cay	1
21	họm	歛	Họm mình	Họm sá nghênh ngang	1
22	khôn khéo	坤窖	Khôn (ngoan)	Cứng cát phải nạp tăng khôn khéo	1
23	lệ	戾	Sợ	Ta xem chửi lệ	1
24	lòi	絲	Dây lòi xâu tiên	Lòi tiên	1
25	lọ chi	路之	Chẳng cần, khỏi phải	Lọ chi ngồi am Sạn non Đông	1
26	lạc lải	落來	Lạc loài	Lạc lải nên Thiên khách bơ vơ	1
27	mắng	嗔	Nghe	Tai ngu mắng át còn vang	1
28	mựa	罵	Chó, đừng	Mựa phải nhọc tìm về Cực Lạc	6
29	mà cả	麻哥	Mặc cả	Chẳng cho mà cả	1
30	một thì	蔑時	Một bữa	Một thì chay, một thì cháo	2
31	nữa	欣	Hơn	Nửa gian lều quý nữa thiên cung.	2
32	no	奴	Đủ	Phúc tuệ kiêm no	1
33	nhẫn	忍	Cho đến	Thật cách nhẫn vằn vằn thiên lý	1
34	ngã	我	Ngã lẽ, võ lẽ	Ngã thắng tràng	1
35	ngơi	宜	Nghỉ ngơi	Ngồi ngơi mé nước Tân La	1
36	nhẹ nhảnh	双珥	Nhẹ nhảm	Nghiệm kẻ học cơ quan nhẹ nhảnh	1
37	quạnh	瓊	Quạnh quẽ	Núi hoang rừng quạnh	1

TT	Từ Việt cổ	Chữ Nôm	Nghĩa	Văn cảnh/VD	Lượt
38	rồi	未	Nhàn rồi	Nửa ngày rồi tự tại thân tâm	3
39	sửa mình	所命學	Tu thân, tu sửa	Sửa mình học , cho phải chính tông	1
40	sá	訖	Lối đi, đường	Học đòi cơ Tổ, sá thiên không khôn tột biết nơi	1
41	tịn	羨	Tận, hết	Thuyền tử giờ chèo dòng xanh, chửa cho tịn tầy	1
42	thửa	所	Tiếng đệm thế cho người vật, nơi chốn	Ăn rau ăn trái, nghiệp miệng chẳng hiềm thửa đắng cay	7
43	tua	須	Phải, nên	Chỉn xá tua rên, chớ nên tuyệt học	3
44	trí nhẹ	智耳	Suy nghĩ còn non yếu	Thầy Hồ xua chó, trở xem trí nhẹ con giường	1
45	thốt	說	Nói	Yến thốt oanh ngâm	1
46	xá	舍	Nên	Hãy xá vô tâm, tự nhiên hợp đạo	9
47	xoa	又	Cơm hẩm	Dầu bạc dầu xoa	1
48	xoang	腔	Đánh đàn	Xá đàn dẫu xoang vô sinh khúc	1
49	xóc xóc	觸觸	Xao động (tinh thần)	Nén niềm vọng, mựa còn xóc xóc	1

Mặc dù tác phẩm *CTLDP* ra đời từ thế kỷ XIII, song số lượng từ Việt cổ trong bản Liên Hoa năm 1745 chiếm số lượng không nhiều. Đây có thể là hệ quả của quá trình nhuận sắc, sửa chữa của người đời sau. Ta có thể thấy rõ điều đó trên cơ sở đối sánh số liệu từ Việt cổ xuất hiện trong các văn bản ở thế kỷ XV - XVII được các học giả Hoàng Thị Ngọc⁸, Trần Trọng Dương⁹, Nguyễn Thị Tú Mai¹⁰ khảo cứu như sau:

Bảng 2. Tỷ lệ từ Việt cổ trong một số văn bản Nôm

Văn bản	Niên đại	Số chữ	Lượt
<i>Khoá hư lục</i>	TK XIV	451	2475
<i>Phật thuyết</i>	Trước 1730	105	684
<i>Thiên chúa thánh giáo khai môn</i>	TK XVII	99	922
<i>Cư trần lạc đạo phú</i>	1745	49	100

⁸ Hoàng Thị Ngọc (2022), *Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* (tái bản có chỉnh sửa), Nxb. Văn học, TP. Hồ Chí Minh, tr.117-124.

⁹ Trần Trọng Dương (2011), *Nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt qua các bản dịch Khoá hư lục*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, tr.117.

¹⁰ Nguyễn Thị Tú Mai (2012), *Chữ Nôm và tiếng Việt thế kỷ XVII qua Thiên chúa thánh giáo khai môn của Jeronimo Maiorica*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, tr.148-153.

Qua bảng so sánh trên, từ cổ trong các văn bản ở các giai đoạn sau có xu hướng giảm dần, tuy nhiên trong *CTLĐP* vẫn còn những từ Việt cổ thường xuất hiện trong các văn bản từ thời Lê Sơ trở về trước như: *ang* (cha), *mựa* (chứ, đừng), *xá* (nên)... Điều này chứng tỏ văn bản vẫn còn bảo lưu những dấu vết cổ.

4. Kết luận

Chữ Nôm trong *CTLĐP* bản Liên Hoa năm 1745 đã phần nào phản ánh được đặc điểm ngữ âm tiếng Việt ở thời điểm tác phẩm ra đời: các thành tố thứ nhất ghi tổ hợp phụ âm đầu *bl*, *kl*, *kr*, *ml* xuất hiện lẻ tẻ trong văn bản, một số trường hợp còn tồn tại nhưng lại xuất hiện dưới dạng phụ âm đơn tương ứng; xu hướng hữu thanh hoá, sát hoá và ngạc hoá các âm đầu được biểu hiện khá đậm nét; các vần tiền Hán Việt, vần Việt cổ cùng xuất hiện. Mặc dù từ Việt cổ trong *CTLĐP* không nhiều, tuy nhiên vẫn tồn tại một số từ thường xuất hiện ở các văn bản từ thế kỷ XVII trở về trước như: *ang* (cha), *cóc* (biết), *mựa* (chớ)... Nghiên cứu ngữ âm tiếng Việt và từ Việt cổ trong *CTLĐP* của Phật Hoàng Trần Nhân Tông đã bổ sung những cứ liệu khách quan về tình hình ngữ âm tiếng Việt và từ Việt cổ ở thế kỷ XIII. Đồng thời, kết quả này còn mở ra hướng tiếp cận tác phẩm ở góc độ văn hoá, lịch sử được thuận lợi hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn (2004), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc âm Hán Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Trần Trọng Dương (2011), *Nghiên cứu chữ Nôm và tiếng Việt qua các bản dịch*

Khoá hư lục, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Học viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

3. Trần Trọng Dương và Nguyễn Hùng Vỹ (2012), “Khảo về *CHẨM* và *TRÁI* trong *Cư trần lạc đạo phú* của vua Trần Nhân Tông”, *Một số vấn đề về ngôn ngữ và văn hoá*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.

4. Hoàng Xuân Hãn, “Văn Nôm và chữ Nôm thời Trần Lê”, Tập san *Khoa học Xã hội Paris*, số 5, 6, 7 năm 1979, 1980, 1981.

5. Nguyễn Quang Hồng (2008), *Khái luận văn tự học chữ Nôm*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

6. Nguyễn Thị Tú Mai (2012), *Chữ Nôm và tiếng Việt thế kỉ XVII qua Thiên chúa thánh giáo khai mông của Jeronimo Maiorica*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

7. Hoàng Thị Ngọc (2008), “Vài suy nghĩ về văn bản *Thiên tông bản hạnh*”, *Thông báo Hán Nôm*.

8. Hoàng Thị Ngọc (2022), *Chữ Nôm và tiếng Việt qua bản giải âm Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* (tái bản có chỉnh sửa), Nxb. Văn học, TP. Hồ Chí Minh.

9. Nguyễn Ngọc San (2003), *Lý thuyết chữ Nôm văn Nôm*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

10. Nguyễn Hữu Vinh & Trần Đình Hoàn (2013), *Độc Nôm*, chú thích, viết lại bằng tiếng Việt hiện đại và dịch sang tiếng Anh *Cư trần lạc đạo phú*, https://dotchuoinon.com/wp-content/uploads/2010/11/cc6b0-tre1baa7n-le1baa1c-c491e1baa1o-phc3ba-ebook_jan20_2015.pdf,

11. https://vi.wikisource.org/wiki/Từ_điển_Việt-Bồ-La/M